

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : NGÔ THẾ ĐỐI
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 10 17 1922
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : MALE Female (Nữ) : _____

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : _____ Married (có lập gia đình) : M
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : Số 4 Đường HƯNG-LONG ; Phường 16 Quận 10
(Địa chỉ tại VN) : T.P. Hồ Chí Minh, Việt-Nam

POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không) : Yes (Có) Yes No (Không) : _____
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : MAY 75 To (Đến) : NOW

PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP HAM-TAN THUAN-HAI, So. VIET-NAM
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Trung-tá Lục-Quân (Bộ Binh)

EDUCATION IN U.S. : _____
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : LIEUT. COLONEL SN: 42/101415

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : _____ Date (Năm) : _____
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có) : Yes IV Number (số hồ sơ) : _____ No (Không) : No

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo) : 04

MAILING ADDRESS IN VN: 4 HUNG-LONG ; PHUONG 16 QUAN 10
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : T.P. HO-CHI-MINH, VIET-NAM

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : _____
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bảo Trờ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : _____ No (Không) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN) : _____

NAME AND SIGNATURE : HUONG NGUYEN PH: 1
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa Chỉ, Chủ Ký, BT của người điền đơn này)

DATE : October 29, 1984

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGÔ THẾ ĐỖ
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVE	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
TRAN - THI - TUYET		WIFE
NGO THI BACH LAN		DAUGHTER
NGO THI ANH DAO		- ID -
NGO THI ANH PHUONG		- ID -

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM
Mẫu DƠN VỀ LÝ LỊCH

Dã vao card
w/27/8h
Đu
số
80P.

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.

NAME (TÊN) : Ngô Thú Đôi
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) :
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM :
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) :

: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : To (Đến) :

PLACE OF RE-EDUCATION :
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) :

EDUCATION IN U.S. : Commendation Medal by Gen. Abrams 1970
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Major

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) : ☒

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN :
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : Huỳnh Nguyễn

(Tên, Địa chỉ Thân nhân :
hay Người Bảo Tró)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) :

NAME AND SIGNATURE :

ADDRESS OF INFORMANT

(Tên, Địa chỉ, Chữ ký, ĐT của người điền đơn này)

DATE :

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
 (Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

5555 Columbia Pike, Suite D, Arlington, VA 22204

AS OF: October 29, 1984

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

Prisoner's name, : Former : Currently: Former : Date of Application : Name, address, and Tel. number
 date of birth and address: rank/position: detained : Prisoner : for Orderly Departure: of Relative in the U.S.
 : : in prison: in Vietnam: (IV number, if any) :
 : : Yes : No: Yes : No :
 : : How Long :

NGÔ THẾ ĐỐI

LT/COLONEL
(ARMY)

~~YES~~

YES

TP. HỒ CHI MINH, ngày 7 tháng 12 năm 1984

Kính gửi : Ông, Bà HỘI TRƯỞNG

Kính thưa quý Hội,

Tôi tên TRẦN THỊ TUYẾT, hiện cư ngụ tại số 4 đường Hưng Long, Phường 16 Quận 10 TP/ Hồ Chí Minh, Việt Nam, trân trọng kính trình quý Hội tình trạng gia đình tôi như sau :

Chồng tôi là NGÔ THẾ HÒI, Trung tá Quân đội VNCH, số quân L2A. 101.415, chức vụ sau cùng Trưởng ban Nghiên cứu Tổng quát, Phòng 3 Bộ Tổng Tham mưu. Chồng tôi đã đi học tập cải tạo từ ngày 15.6.1975, và đã được phóng thích ngày 21.9.1984 hiện cư ngụ với vợ con tại địa chỉ như trên. Bình kèm Phiếu tương mạo và quân vụ và giấy ra trại.

Tôi đã nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan ORDERLY DEPARTURE OFFICE, Văn phòng đặt tại Tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Thái Lan, địa chỉ 131 Soi Thien Siang South Sathorn Road Bangkok. Nơi đây đã báo nhận đủ hồ sơ. Do văn thư ngày 13.1.1984 File No 50.947 cơ quan trên cũng đã thông báo là gia đình tôi được chấp thuận 5 người gồm :

- NGÔ THẾ HÒI	Chồng
- TRẦN THỊ TUYẾT	Vợ
- NGÔ THỊ BẠCH LAN	con
- NGÔ THỊ ANH ĐẠO	con
- NGÔ THỊ ANH PHƯƠNG	con

Trân trọng thỉnh cầu quý Hội vui lòng liên lạc với cơ quan liên hệ tại Hoa Kỳ và cơ quan ODP tại Thái Lan để các giới chức có thẩm quyền làm ý cầu xét hồ sơ File No 50.947 để gia đình chúng tôi sớm được cấp giấy phép nhập cảnh.

Trong khi chờ đợi sự can thiệp hữu hiệu vì sự giúp đỡ quý báu của quý Hội, trân trọng thỉnh cầu Ông, Bà Hội trưởng thể nhận nơi đây lòng cảm tạ chân thành của tôi và toàn thể gia đình.

Địa chỉ :

Số 4 đường Hưng Long

Phường 16 Quận 10

TP/ HỒ CHI MINH

VIỆT NAM

TRẦN THỊ TUYẾT

BỘ NỘI VỤ
Trại Hầm tạn

Số GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-GI.76, ban hành theo công văn số 2065 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Trên cơ sở thông tư số 965-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Phải Hầm tạn An văn, quyết định tha số 324 ngày 28 tháng 8 năm 1984 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGO THẾ DỜI Sinh năm 1922

Các tên gọi khác

Nơi sinh Cần thơ

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Bố 4 đường hưng long quan 10 r/p HỒ CHÍ MINH

Cán tội trung tá trưởng ban nghiên cứu tổng quát

Bị bắt ngày 15/06/75 Án phạt TTC

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Bố 4 hưng long quan 10 r/p HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng

Lao động: tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

Nội quy: chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn

Học tập: tham gia đều có tiến bộ

(quản chế 12 tháng)

Được phả trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi trú quán

Được ngày tháng năm 19

Lần tay ngón trở phải

Của NGO thế DỜI

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

NGO thế DỜI

NGO thế DỜI

Ngày 21 tháng 09 năm 1984

P. Giám thị

Trịnh tức Tý

Đại lý: Trịnh tức Tý

copy Q₁₀
Đã có đến trình Liên
địa phương
ngày 21/9/84

ĐÃ THU LÊ PHÍ

Nguyễn Văn 2

ST 325/SY-VĐ
CHUNG NIÊN SỐNG TÀI CHÍNH

Xuất trình cơ. UBND Phường 16

Ngày 25 tháng 9 năm 1984

M. UBND Phường 16

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Văn Mười

Của : Trung-Tá HD thực thụ NGÔ-THẾ-ĐÔI
Số quân. 42/101.415

Trích lục theo Quân-bạ, Lý-lịch của đương sự.

H Ọ - T Ị C H : N H Ậ N - D Ạ N G

- Sinh ngày 17.10.1922 tại Thiện-Mỹ : Tóc :
- Quận : Tỉnh : CẦN-THƠ : Mắt :
- Nghề nghiệp : Trần :
- Con của Ông NGÔ-VĂN-LÂU : Mũi :
- Và Bà VÕ-THỊ-NÙNG : Khuôn mặt :
- Ngụ tại Thiện-Mỹ :
- Quận : Tỉnh : CẦN-THƠ : Cao : 1 thước
- Kết hôn ngày 2.10.1939 với cô :
- Ngụ tại TRẦN-THỊ-TUYẾT : DẤU TÍCH ĐẶC BIỆT
- Quận :
- Tỉnh :
- Giấy phép kết hôn của :

- Nguyên lai Binh-nghiep (1) Xuất thân Khoá 9 Trường Võ-bị Liên-Quân ĐÀ-LẠT

(K) UÂN VỤ LIÊN TIẾP

- 25.07.50 - Incoporeé dans le Corps des Interprètes de Langues Locales le 24.7.50, en qualité de Sergent assimilé par voie d'engagement volontaire de trois mois a/c du 25.7.50.
- 01.03.53 - Admis à l'École Militaire Inter Armes de Dalat le 1er Mars 1953 en qualité d'Élève Officier au titre de la promotion Spécial "Corps de Troupe" (Réf n° 2182/TM/3 du 18.2.53). A contracté un engagement de trois ans au titre de l'École Militaire Inter Armes de Dalat à/c du 1.3.53.
- A Réussi à l'examen de sortie de L'E.N.I.A.D. A obtenu 5377 points sur 7400. Classé 33/186 Élèves. Rayé des contrôles de l'École le 11.8.1953.
- 01.08.53 - Affecté au 512^e R.D.K.Q par A.M n° 1229/TM/DN/QK/I/3 en date du 31.8.53. Nommé au grade de S/Lt d'active par Arrête présidentiel n° 613/Cab/DN en date du 5.9.53 et p/c 1^{er} Août 1953.
- 01.09.53 - Arrivée au Corps le 1.9.1953.
- A suivi le 4^{eme} stage de Cdt de Compagnie par N.D.S n° 09911/TM/DN/QK/3 en date du 29.3.54 du Colonel Cdt la 1^{er} R.M.
- 01.08.54 - Nommé au grade de Lieutenant à titre exceptionnel à/c du 1.8.54 par Arrête présidentiel nomination n° 1043/Q.P du 4.11.1954.
- Désigné pour suivre le Corps de Chef Bien par T.O n° 130 du 10.8.55 du Général de Brigade Commandant la 1^{er} R.M. MIs en route sur C.E.M le 17.8.55.
- 16.01.56 - Thuyên-chuyên về Đại-Đội Trọng-Pháo 37 k/t ngày 16.1.56 do đề-nghị thuyên-chuyên số 0392/TM/DN/QK/I/31/310 đề ngày 16.1.56. Lệnh Thuyên-Chuyên thiết-thu số 2110/QP/NV/LQ/TC/1 đề ngày 21.2.56 của Trung-Tướng Tổng Tham-lưu Trường QĐCHVN.
- 01.08.56 - Thuyên chuyên về Tiểu-Đoàn I/37 k/t ngày 1.8.56 do đề-nghị thuyên-chuyên số 3024/TM/DN/QK/I/3 đề ngày 21.7.56 (Tiểu-Đoàn Pháo).
- 01.07.57 - Thăng cấp Đại-Úy HD tạm thời k/t 1.7.57 do ND số 613/QP/ND ngày 3.7.57 của Bộ-Trưởng Phụ tá Quốc-Phòng.
- Biệt phái ngoại-ngạch để đảm-nhận chức vụ Quận-Trưởng Cái-Nước (An-Xuyên) do ND số 968/QP/ND ngày 30.10.57 của Bộ-Trưởng Phụ-ta Quốc-Phòng.
- Thuyên chuyên về Đơn-vị Quản-Trị Liên-Khu 1-5 và Thủ-Đô (thăng số) do LTC số 12848/QP/NV/LQ/TC/I ngày 21.11.57 của Đại-Tướng TTTT/QP/THCH.
- 27.12.58 - Được ĐTQXD của Nha Tổng-Giam-Đốc Bảo-An-Đoàn do ND số 294/NV ngày 27.12.58 của Bộ Nội-Vụ.
- Thuyên-chuyên đi Tỉnh-Đoàn Bảo-An Biên-Hoà và Đất thuộc quyền của Trung-Tá Thanh-Tra Khu I/Bảo-An Nam-Phân do LTC số 096/TBA/NVI/2 ngày 27.1.59.

- 29.08.60 - Thuyên chuyển về Tỉnh-Đoàn Bảo-An Ba-Xuyên: k/t 29.8.60 do LTC số 767/TBA/NV/QTNV ngày 29.8.60 và được cử giữ chức-vụ Tỉnh-Đoàn Trưởng Bảo-An Ba-Xuyên do ND số 804/ENV/BA ngày 5.7.60.
- Đặt TQXD của Nha Bảo-An Vùng I/CT để giữ chức vụ Chủ-Sự Phòng Kế-Hoạch do SVL số 185/TBA/NV/SVL ngày 10.10.63.
- Thuyên chuyển hợp thức hoá về Nha Bảo-An Vùng I/CT do LTC số 1173/TBA/NV/QTNV ngày 5.11.63.
- 29.02.64 - Được cử giữ chức-vụ Chủ-Sự Phòng Kế-Hoạch tại Nha Giám-Đốc Bảo-An/Vùng I/CT do ND số 541/QP/ND/BA ngày 29.2.64 của Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Phòng.
- Thuyên chuyển đến Trung-Ương Đoàn-Bộ (QS/BP) giữ chức-vụ Trưởng-Ty Cảnh-Sát Quận II do LTC số 0867/BA/TQT/LTC ngày 20.5.64 của Thiếu-Tướng DƯƠNG-NGỌC-LẬP.
- 10.06.64 - Thuyên chuyển đi Đơn-Vị 3/QTĐP (biệt-phái ngoại-ngạch) thuộc quyền sử-dụng Bộ Nội-Vụ tại Ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia k/t ngày 10.6.64 do LTC số 4498/TTL/TQT/QN/BN/C/K ngày 12.6.64 của Thiếu-Tướng Tham-Mu-Trưởng Liên-Quân.
- Được thâu hồi về Quân-Đội do ND số 1304/QP/ND ngày 10.6.64 của Trung-Tướng Tổng-Trưởng Quốc-Phòng. Hồ sơ được chuyển hoàn về Quân-Đội lưu giữ.
- 24.08.64 - Được biệt-phái ngoại-ngạch sang Bộ Nội-Vụ để phục vụ tại Ngành CẢNH-SÁT QUỐC-GIA do ND số 517/ENV/TCSQ/NV ngày 24.8.64 của NHÀ TỒNG-GIÁM-ĐỐC CSQG.
- Việc biệt-phái ngoại-ngạch Sĩ-Quan đương sự sang Bộ Nội-Vụ, được đặt dưới quyền sử-dụng của Ngành C.S.Q.G. Được hợp thức hoá do ND số 517-ENV/TCSQ/NV ngày 24.8.64. Về việc lương bổng và phụ-cấp của đương sự sẽ do Ngân-Sách Sở-Quan đái thọ, kể từ ngày đoạn-chỉ lương tại đơn-vị cũ.
- 01.04.65 - Thuyên chuyển đến Võ-Phòng Phái-Quốc-Trưởng k/t ngày 1.4.65 do LTC số 1600/TTL/TQT/QN/BN/C/K ngày 30.3.65 của Bộ TTL.
- 03.05.65 - Được cử giữ chức-vụ Phụ-tá Chánh-Sự-Vụ/Sở An-Ninh/Phủ Quốc-Trưởng k/t ngày 3.5.65 do ND số 053/QT/ND ngày 3.5.65 của Quốc-Trưởng VNCH.
- 01.09.59 - Đại-Ủy HD tạm thời được điều-chỉnh thành Đại-Ủy HD thực thụ k/t ngày 1.9.59 (thay vị ngày 1.11.61) do ND số 413/QP/ND ngày 9.8.65 của Bộ Q.P và danh-sách số 6767/LĐ.ANTĐ/PI/DH/CP ngày 24.8.65 của BCH/LĐ.ANTĐ.
- 11.06.65 - Được cử giữ chức Quyền Chánh-Sự-Vụ/Sở An-Ninh tại Võ-Phòng Phủ Quốc-Trưởng k/t ngày 11.6.65 do ND số 079/QT/ND ngày 11.6.65 của Quốc-Trưởng VNCH.
- 16.03.66 - Thuyên chuyển đi ĐD.THĐ/SĐ.7BB (thặng số) k/t ngày 16.3.66 do LTC số 1598/TTM/TQT/N/BN/C/K ngày 22.3.66 (để bổ-sung cán-bộ cho Ban Thương-Vụ HXXD Nông-Thôn Tỉnh Kiên-Hoa) của Bộ TTM/QLVNCH.
- 01.01.67 - Thăng cấp Thiếu-Tá HD thực thụ theo thâm niên k/t ngày 1.1.67 do ND số 062/QP/ND đề ngày 3.2.67 của Bộ Quốc-Phòng.
- 01.07.68 - Được đề cử giữ chức-vụ Trưởng-Ban Thương-Vụ HXXNT/Khu Chiến-Thuật Tiền-Giang k/t ngày 1.7.68 do ND số 1092/K.CTTG/TQT/NVI/ND đề ngày 13.7.68 của Khu CTTG. Hồ sơ quân-bạ được chuyển đến Bộ TTM/Phòng TQT/SĐ.7 quân-thủ k/t ngày trên.
- 16.11.68 - Thuyên chuyển đi Bộ TTM/Phòng 3 k/t ngày 16.11.68 do LTC số 15201/TTM/TQT/BN/S/A/K ngày 29.10.68 của Bộ TTM.
- 29.11.68 - Trình diện Phòng 3/Bộ TTM ngày 29.11.68.
- 30.11.68 - Đặt TQXD của Ban Lãnh-Thổ/Khoá Hành-quân/P3/TTM do Nội-Lệnh số 7951/TTM/P3() ngày 2.12.68 của Bộ TTM/Phòng 3.
- 01.01.69 - Giữ chức-vụ Quyền Trưởng-Ban Lãnh-Thổ/Khoá Hành-quân/P3/TTM do NL số 8375/TTM/P300 ngày 31.12.68. Được hợp thức hoá Quyền Trưởng-Ban Lãnh-Thổ/Phòng 3, TTM do ND số 0964/TTM/TQT/BN/S/A/K ngày 18.1.69.
- 01.03.69 - Được chính-thức giữ chức-vụ Trưởng-Ban Lãnh-Thổ/Khoá Hành-quân do NL số 959/TTM/P3 ngày 3.3.69.
- 01.07.70 - Thăng cấp Trung-Tá Nhiệm-chức vị nhu-cầu quân-lực k/t ngày 1.7.70 do ND số 931/QP/ND ngày 7.8.70 của Bộ Quốc-Phòng.
- 01.08.70 - Cử giữ chức-vụ Trưởng-Ban An-Ninh Lãnh-Thổ/Khoá Bình-Định Lãnh-Thổ/Phòng 3/Bộ TTM do ND hợp thức hoá số 12552/TTM/TQT/BN/S/A/K ngày 31.8.70 của Bộ TTM.
- 06.02.71 - Trình-diện Trưởng-Chỉ-Huy Tham-Mu để theo học Khoa 1/71 THM do SVL số 376/TTM/P300 ngày 01.02.71.
- 05.02.71 - Chấm-dứt chức vụ Trưởng-Ban An-Ninh Lãnh-Thổ/Khoá BDLT do LEN số 364/TTM/P300 ngày 01.02.71. HTH chấm-dứt chức vụ Trưởng-Ban ANLT/Khoá BDPT do ND số 1796/TTM/TQT/BN/S/A/K ngày 9.2.71.
- 08.02.71 - Thuyên chuyển đến Trưởng CHTM (TSQ/KS) do LTC số 2342/TTM/TQT/BN/S/D/K ngày 12.3.71 của Bộ TTM.
- 16.07.71 - Thuyên chuyển đến Phòng 3/DQ TTM công vụ k/t ngày 16.7.71 do LTC số 6802/TTM/TQT/BN/S/A ngày 2.7.71.
- 20.07.71 - Đặt TQXD Khoá Điều-Hành Không-Yểm Chiến-Thuật/P3/TTM do LEN số 3022/TTM/P300 ngày 15.7.71.

- [illegible]

- CROIX DE GUERRE/ÉTOILE BRONZE	CG, n° 1496	ngày 21.12.50
- MÉDAILLE COLONIALE	N° 404.078	" 15.02.52
- ANH-DŨNG BỘI-TÌNH/SÚ-ĐOÀN	CL 11/TTL	" 25.07.64
- ANH-DŨNG BỘI-TÌNH/LŨ-ĐOÀN	CL 03/BKTD/TYT/5	" 11.08.64
- CHUÔNG-MỸ BỘI TÌNH/HẠNG II	ND 017/T/ND	" 28.01.65
- LỤC-VÂN HUÂN-CHUÔNG ĐỀ NHỊ	ND 079/P/ND	" 01.02.66
- CHIẾN-DỊCH BỘI-TÌNH/60-73	Đ 15/SĐ7BB/TYT/Đ	" 10.02.66
- CHIẾN-DỊCH BỘI-TÌNH/L9-54	Đ 48/SĐ7BB/TYT/Đ	" 24.12.66
- THAM-MÔU BỘI-TÌNH/HẠNG NHẤT	Đ 571/TTH/TYT/Đ/TMBT	" 01.08.68
- HẢI-VỤ BỘI-TÌNH DANH-DỰ	Đ 042/HV/Đ	" 03.04.69
- QUÂN-PHONG BỘI-TÌNH/HẠNG NAM	Đ 292/TTH/TYT/Đ/PBT	" 02.05.69
- BẢO-VŨC HUÂN-CHUÔNG ĐỀ NGŨ	SL 233-TT/SL	" 18.06.69
- ARMY COMMENDATION MEDAL	CG, n° 711	" 02.02.70
- KHÔNG-VỤ BỘI-TÌNH DANH-DỰ	Đ 009/BTL K.V/Đ/KVBT	" 01.11.70
- QUÂN-VỤ BỘI-TÌNH HẠNG NHỊ	Đ 078/TTH/TYT/Đ/VBT	" 12.07.73
- MÉDAILLE DE LA DÉFENSE NATIONALE	N° 390/EMG/AP/DAGP	" 20.10.73

KBC. 4002, ngày 28 Th.B A 1974

NHÂN THỰC :

Trung-Tá LÊ XUÂN DINH

Q. Trưởng ban Học-Chánh

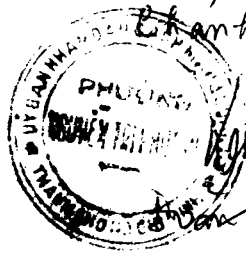


Đ. N. Chi Minh, ngày 21/01/70

Sao y văn nhân

(hồ tức hồ sơ xin tẩu lãnh)

13. Hồ Chí Minh, ngày 21/01/76



Thành văn phòng

Văn Thành

HỘ SỞ TRƯNG TÁ NGÔ TÂN ĐỘI

Vô số 5/18/85
4/29 card - list plan

1 - Đơn /
1 - Giấy } United States Military
Khắc }
thường huy-chương } Assistance Command >>
của :

- 1 giấy thông báo quân vụ -
1 Intake Form.



By direction of the Secretary of the Army

THE ARMY COMMENDATION MEDAL

Is presented to

MAJOR NGO THE DOI

Army of the Republic of Vietnam

For distinguishing himself by meritorious service during the period March 1969 to February 1970 while serving as Chief, Territorial Activities Branch, Combat Operations Division, J3, Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces. Through his outstanding professional knowledge and tenacious approach in solving numerous diverse and complex problems, Major DOI contributed significantly to developing and implementing nation-wide campaigns to improve the defensive posture of major bridge and harbor installations. His skill in working with and directing the efforts of others played a major part in securing vital road and water lines of communication. Further, the impetus he gave to the program to upgrade the defensive systems of national and provincial correction centers succeeded in denying to the enemy a previously exploited manpower source. Major DOI's exemplary record as a joint staff officer won the respect and admiration of both his Vietnamese and American associates and thereby enhanced markedly the smooth working relationship between Headquarters, United States Military Assistance Command, Vietnam and the Joint General Staff. Major DOI's performance of duty reflects great credit upon himself and the Armed Forces of the Republic of Vietnam.

TÂM THƯ

Kính gửi: Quý vị đồng hướng tại Dallas - Fort Worth và các vùng phụ cận.

Chủ Tịch:

Ông Đinh Thạch On

Phó Chủ Tịch:

- Ông Nguyễn Văn Nhứt

- Ông Lê Quốc Hùng

- B.S. Ho Ngọc Minh

- K.S. Hà Mạnh Chi

Tổng Thư Ký:

Ông Trần Kỳ

Phó Tổng Thư Ký:

K.S. Hà Mạnh Chi (kiêm nhiệm)

Thư Quy:

Bà B.S. Bùi Xuân Mãn

Ủy Viên:

- Ngô Xuân Đức

- Trương Văn Liêm

- Nguyễn Phúc Chương

Kính thưa quý vị,

Sau khi cưỡng chiếm miền nam Việt Nam, ông Hồ Chí Minh đã áp dụng một chính sách hết sức dã man và phi dân tộc. Đối nội, chúng ta đoạt mọi quyền tự do căn bản của con người. Đối ngoại, chúng ta ngang nhiên lăm tay sai cho cộng sản quốc tế.

Nhận chân rõ về thực trạng tại Việt Nam, nhân dân tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho dân tộc Việt Nam tự giải phóng khỏi ách cộng sản, một số chính khách Tây Phương đã đứng ra thành lập Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do (C.I.V.L.) ngày 4-12-1986 tại Bruxelles, thủ đô Bỉ Quốc tế.

— Soi sáng dư luận thế giới về những sự bi thảm tại Việt Nam và Đông Dương.

— Vận động cho có sự đồng thuận giữa các quốc gia mà quyền lợi chính đáng đã bị Liên Xô và cộng sản Việt Nam vi phạm để các nước này có một kế hoạch chung đối phó với cộng sản Việt Nam.

— Giúp đỡ nhân dân Việt

Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do đã gửi thư kêu gọi các đoàn thể và không đồng hóa và bất cứ tổ chức nào cũng nên tham gia vào Ủy Ban Quốc Tế này không nhằm vào cá nhân, tổ chức hay đoàn thể nào mà chỉ nhằm giúp cho dân tộc Việt Nam.

Chương trình hành động của Ủy Ban được quy vào sự tổ chức một hệ thống hội viên và ủng hộ viên trên khắp thế giới để có đủ sức mạnh thực hiện các mục đích trên.

Ý thức rằng đây là công cuộc tranh đấu chung cho dân tộc Việt Nam, chúng tôi — do kết quả cuộc bầu cử của đại hội ngày 23-8-87, một số anh chị em gồm đủ mọi thành phần đa thành dân chúng — lãnh trách nhiệm điều hành Ủy Ban Vận Động tại Dallas - Fort Worth và các vùng phụ cận để phổ biến việc làm chính nghĩa của Ủy Ban Quốc Tế này.

Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do chỉ có thể hoàn thành mục tiêu khi nào họ được sự tiếp tay tích cực không những của quần chúng và chính quyền nước họ mà còn rất cần sự hỗ trợ của người Việt Nam tại hải ngoại; nếu chúng ta thờ ơ với công việc của chính mình thì các chính khách đang giúp đỡ chúng ta không có lý do chính đáng để vận động.

Vì quyền lợi của tổ quốc và cũng là thời cơ thuận lợi mà người Việt Quốc Gia cần phải nắm lấy. Chúng tôi thỉnh cầu quý đồng hướng sốt sắng gia nhập hay ủng hộ vào Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do. Đây là hạnh phúc tiến nhất mà chúng ta trao việc ủng hộ góp vào đại cuộc chung của dân tộc.

Trân trọng kính chào bạn kết.

Dallas ngày 20 tháng 7 năm 1987

Ghi chú:

Mọi liên lạc xin gởi về địa chỉ:

C.I.V.L. P.O. Box 814389

Dallas, Texas 75381-4389

Đinh Thạch On

Đinh Thạch On

Chủ Tịch

Kính bà Chủ tịch
Khúc Minh Thù.

Bà xin gửi 1 check \$12 dollars
tiền miễn hiểm của năm 1986 - 1987 -
Phẩm tin tức từ nhóm thi có 2 người
đã được thả - là do rồi như sau:

- 1/ Ngõ Thi Đới đã được thả khỏi trại học tập, và đã viết biên, hiện nay đã đến ở Texas, nhưng bất hạnh là Lê Ngọc Đông bị bệnh chết gần như và tâm phé, còn vợ và 5 đứa con còn ở lại Việt Nam.

Kính chúc bà chủ tịch khỏe mạnh
và thành công.
Trương Chuyena

ON THACH DINH
HUNG THI NGUYEN

669

Pay to the order of Khúc Minh Thù
Twelve dollars and 80 cents \$ 12.80
Sept 30 1987 BB-1372/1119



THE LANDMARK NATIONAL BANK
2201 NORTH COLLINS POST OFFICE BOX 110119
Arlington, Texas 76007

Mem Membership 86.87

Thưona thi Chuyena

Đĩa đĩa mới

Xin gửi đĩa đĩa mới về
liều sẽ và computer

Kính bà Chủ tịch
Khí Minh tho.

Tôi xin gửi 1 check \$12 dollars
tính miễn tiền của năm 1986 - 1987 -

Phẩm - tin - biếu - từ nhóm - từ có 2 người
đã được - từ - từ do rồi như sau:

1/ Ngõ Thi Di đã được - từ - từ hai học
2/ Lê Ngọc Đồng đã được - từ - từ hai học
- tập, và đã viết biên, hiện nay ở

đã đến sống ở Texas, nhưng bắt
hành từ Lê Ngọc Đồng bị bệnh thất
yếm máu và ăn phè, còn vào
5 địa còn ở ở lại Việt Nam.

gửi chú bà chủ tịch khác nam
và thành công.
Trương Nguyên

ON THACH DINH
HUONG THI NGUYEN

669

Sept 30 1987

88-1372/1119

Pay to the order of Khue Minh Tho \$ 12 $\frac{00}{100}$
Twelve dollars and $\frac{00}{100}$ Dollars



THE LANDMARK NATIONAL BANK

2201 NORTH COLLINS POST OFFICE BOX 110119
ARLINGTON, TEXAS 76007

Memo Membership 86.87

Huong Thi Nguyen

Địa chỉ mới

Xin gửi địa chỉ mới về
liều số và Computer

Kèm theo đây có thư của Ban chủ tịch
Ban vận động ủng hộ Dallas và Fort Worth cho
<< City Ban Quốc Tế' Giải Trú Việt Nam
tự Do >> .

Kính như Bà cùng các bé bạn
của bà ủng hộ dinner cho City Ban
Quốc Tế' Giải Trú VN Tự Do .

Thành thật cảm ơn .

* Bà cũng xin thông báo địa chỉ²
của tôi sẽ đổi mới vào tháng 12/87

Địa chỉ² mới của tôi là:

4330 Metvonne

Grand Prairie, Texas 75052 .

To: INTERNATIONAL COMMITTEE FOR A FREE VIETNAM
(Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do)
C.I.V.L.
P.O. Box 814389
Dallas, Texas 75381-4389

INTERNATIONAL COMMITTEE FOR A FREE VIETNAM
(Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do)

Tôi ký tên dưới đây là:

Họ và Tên:

Địa chỉ:

.....

đã biết rõ mục tiêu của Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do và
muốn xin gia nhập Ủy Ban này với tư cách là:

* Hội Viên (500 FB, 50 Frs, \$10 US mỗi năm)

Tôi đóng niên liễm bằng cách:

* Gửi chi phiếu kèm theo đây, đề tên C.I.V.L. (Comité International
pour un Viet Nam Libre - International Committee for a Free Viet
Nam: Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do).

Ngày:.....

Ký tên:.....

CENTRAL OFFICE
C.I.V.L. C/o Yves-Leo Van Onsem
Rue P. Lancsweert 2
1150 Bruxelles - Belgium

COORDINATION OFFICE IN DALLAS, Texas
C.I.V.L.
P.O. Box 814389
Dallas, Texas 75381-4389

INTERNATIONAL COMMITTEE FOR A FREE VIETNAM
(Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do)

Tôi ký tên dưới đây là:

Họ và Tên:

Địa chỉ:

.....

Tình nguyện ủng hộ hoạt động của Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do nhằm mục đích thông báo cho dư luận thế giới biết rõ thực trạng chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa ở Việt Nam, đối chiếu với các nhu cầu vĩnh cửu của nhân quyền và của các tự do căn bản.

Ngày:..... *Ký tên:*.....

CENTRAL OFFICE
C.I.V.L. C/o Yves-Leo Van Onsem
Rue P. Lancsweert 2
1150 Bruxelles - Belgium

COORDINATION OFFICE IN DALLAS, Texas
C.I.V.L.
P.O. Box 814389
Dallas, Texas 75381-4389

INTERNATIONAL COMMITTEE FOR A FREE VIETNAM
(Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do)

Tôi ký tên dưới đây là:

Họ và Tên:

Địa chỉ:

.....

*Tình nguyện ủng hộ hoạt động của Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam
Tự Do nhằm mục đích thông báo cho dư luận thế giới biết rõ thực
trạng chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa ở Việt Nam, đối chiếu
với các nhu cầu vĩnh cửu của nhân quyền và của các tự do căn bản.*

Ngày:.....

Ký tên:.....

CENTRAL OFFICE
C.I.V.L. C/o Yves-Leo Van Onsem
Rue P. Lancsweert 2
1150 Bruxelles - Belgium

COORDINATION OFFICE IN DALLAS, Texas
C.I.V.L.
P.O. Box 814389
Dallas, Texas 75381-4389

TP. HỒ CHI MINH, ngày 7 tháng 12 năm 1984.

Kính gửi : Ông. Bà HỘI TRƯỞNG

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VN

5555, COLOMBIA TIKE SUITE D

ARLINGTON, VA 22204

Kính thưa quý Hội,

Tôi tên TRẦN THỊ TUYẾT, hiện cư ngụ tại số 4 đường Hưng Long, Phường 16 Quận 10 Tp/ Hồ Chí Minh, Việt Nam, trân trọng kính trình quý Hội tình trạng gia đình tôi như sau :

Chồng tôi là NGÔ THẾ ĐÔI, Trung tá Quân đội VNCH, số quân 42A. 101.415, chức vụ sau cùng Trưởng ban Nghiên cứu Tổng quát, Phòng 3 Bộ Tổng Tham mưu. Chồng tôi đã đi học tập cải tạo từ ngày 15.6.1975, và đã được phóng thích ngày 21.9.1984 hiện cư ngụ với vợ con tại địa chỉ như trên. Đính kèm Phiếu tường mộ và quân vụ và giấy ra trại.

Tôi đã nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan ORDERLY DEPARTMENT OFFICE, Văn phòng đặt tại Tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Thái Lan, địa chỉ 131 Soi Thien Siang South Sathorn Road Bangkok. Nơi đây đã báo nhận đủ hồ sơ. Do văn thư ngày 13.4.1984 File No 50.947 cơ quan trên cũng đã thông báo là gia đình tôi được chấp thuận 5 người gồm :

- NGÔ THẾ ĐÔI	Chồng
- TRẦN THỊ TUYẾT	vợ
- NGÔ THỊ BẠCH LAN	con
- NGÔ THỊ ANH ĐÀO	con
- NGÔ THỊ ANH PHƯƠNG	con

Trân trọng thỉnh cầu quý Hội vui lòng liên lạc với cơ quan liên hệ tại Hoa Kỳ và cơ quan ODP tại Thái Lan để các giới chức có thẩm quyền lưu ý câu xét hồ sơ File No 50.947 để gia đình chúng tôi sớm được cấp giấy phép nhập cảnh.

Trong khi chờ đợi sự can thiệp hữu hiệu vì sự giúp đỡ quý báu của quý Hội, trân trọng thỉnh cầu Ông, Bà Hội trưởng thể nhận nơi đây lòng cảm tạ chân thành của tôi và toàn thể gia đình.

Địa chỉ :

Số 4 đường Hưng Long

Phường 16 Quận 10

Tp/ HỒ CHI MINH

VIỆT NAM


TRẦN THỊ TUYẾT

BỘ NỘI VỤ
Trại Hầm tạn

Số GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-GT/G, ban hành theo công văn số 2465 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Trên cơ sở thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thủ trưởng an ninh, quyết định tha số 324 ngày 28 tháng 8 năm 1984 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN THẾ DỜI Sinh năm 1922

Các tên gọi khác

Nơi sinh Cần thơ

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Số 4 đường Hùng Long Quận 10 r/p HỒ CHÍ MINH

Cán tội trung tá trưởng ban nghiên cứu tổng quát

Bị bắt ngày 15/06/73 An phạt TICT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Số 4 đường Hùng Long Quận 10 r/p HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng.

Lao động : tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

Nội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập : tham gia đều có tiến bộ.

(quản chế 12 tháng)

Đường phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi trú quán.

Được ngày tháng năm 19

Lần tay ngón trở phải

Của NGUYỄN THẾ DỜI

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Nguyễn Thế Dời

Nguyễn Thế Dời

Ngày 21 tháng 09 năm 1984

P. Giám thị

Trịnh Đức Tỷ

Đại lý : Trịnh Đức Tỷ

láp 16. Q.
H. S. có tên trên diện
địa phương.

ngày 21/9/1971.

ĐÃ THU LÊ PHÍ

U. B. C. 2

325/SY-VĐ
CHUNG HỮU BIÊN TẬP CHÍNH

Xuất bản tại UBND Phường 16

Ngày 25 tháng 9 năm 1984

M. UBND Phường 16

ỦY VIÊN THỦ KÝ


[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Mười

Của : Trung-Tá HD thực thụ NGÔ-THẾ-ĐOÀI
Số quân. 42/101.415

Trích lục theo Quân-bạ, Lý-lịch của đương sự.

H Ọ - T Ị C H		:	N H Ậ N - D Ạ N G	
- Sinh ngày	17.10.1922	:	Tóc	:
- Quận	tại Thiện-Mỹ	:	Mắt	:
- Nghề nghiệp	Tỉnh : CẦN-THO	:	Trên	:
- Con của Ông	NGÔ-VĂN-LÂU	:	Mũi	:
- Và Bà	VÕ-THỊ-XƯƠNG	:	Khuôn mặt	:
- Ngụ tại	Thiện-Mỹ	:		
- Quận	Tỉnh : CẦN-THO	:	Cao :	1 thước
- Kết hôn ngày	2.10.1939 với cô :	:		
- Ngụ tại	TRẦN-THỊ-TUYẾT	:		<u>DẤU TÍCH ĐẶC BIỆT</u>
- Quận		:		
- Tỉnh		:		
- Giấy phép kết hôn của		:		

- Nguyên lai Binh-nghiep (1) Xuất thân Khoá 9 Trường Võ-bị Liên-Quân ĐÀ-LẠT

() UÂN VỤ LIÊN TIẾP

- 25.07.50 - Incopéré dans le Corps des Interprètes de Langues Locales le 24.7.50, en qualité de Sergent assimilé par voie d'engagement volontaire de trois mois a/c du 25.7.50.
- 01.03.53 - Admis à l'École Militaire Inter Armes de Dalat le 1er Mars 1953 en qualité d'Élève Officier au titre de la promotion Spécial "Corps de Troupe" (Réf n° 2182/TTM/3 du 18.2.53). A contracté un engagement de trois ans au titre de l'École Militaire Inter Armes de Dalat a/c du 1.3.53.
 - A Réussi à l'examen de sortie de L'E.M.I.A.D. A obtenu 5377 points sur 7400. Classé 33/186 Élèves. Rayé des contrôles de l'École le 11.8.1953.
- 01.08.53 - Affecté au 512^e R.D.K.Q par A.M n° 1229/TM/DNQG/I/3 en date du 31.8.53. Nommé au grade de S/Lt d'active par Arrête présidentiel n° 613/Cab/DN en date du 5.9.53 et p/c 1^{er} Août 1953.
- 01.09.53 - Arrivée au Corps le 1.9.1953.
 - A suivi le 4^{eme} stage de Cdt de Compagnie par N.D.S n° 09911/TM/DNQG/3 en date du 29.3.54 du Colonel Cdt la 1^{er} R.M.
- 01.08.54 - Nommé au grade de Lieutenant à titre exceptionnel a/c du 1.8.54 par Arrête présidentiel nomination n° 1043/Q.P du 4.11.1954.
 - Désigné pour suivre le Corps de Chef Bton par T.O n° 130 du 10.8.55 du Général de Brigade Commandant la 1^{er} R.M. Mis en route sur C.E.M le 17.8.55.
- 16.01.56 - Thuyên-chuyển về Đại-Đội Trọng-Pháo 37 k/t ngày 16.1.56 do đề-nghị thuyên-chuyển số 0392/TM/DNQG/I/31/310 đề ngày 24.1.56, Lệnh Thuyên-Chuyển thiết-thu số 2110/QP/NV/LQ/TC/1 đề ngày 21.2.56 của Trung-Tướng Tổng Tham-mưu Trưởng QĐCHVN.
- 01.08.56 - Thuyên chuyển về Tiểu-đoàn I/37 k/t ngày 1.8.56 do đề-nghị thuyên-chuyển số 3024/TM/DNQG/I/3 đề ngày 21.7.56 (Tiểu-đoàn Phó).
- 01.07.57 - Thăng cấp Đại-Ủy HD tạm thời k/t 1.7.57 do ND số 613/QP/ND ngày 3.7.57 của Bộ-Trưởng Phụ tá Quốc-Phòng.
 - Biệt phái ngoại-ngạch để đảm-nhận chức vụ Quận-Trưởng Cái-Nước (An-Xuyên) do ND số 968/QP/ND ngày 30.10.57 của Bộ-Trưởng Phụ-tạ Quốc-Phòng.
 - Thuyên chuyển về Đơn-vị Quản-Trị Liên-Khu 1-5 và Thủ-Đô (thặng số) do LTC số 12848/QP/NV/LQ/TC/I ngày 21.11.57 của Đại-Tướng TEXT/QĐTNCH.
- 27.12.58 - Được ĐTQĐ của Nha Tổng-Giam-Đốc Bảo-An-Đoàn do ND số 294/NV ngày 27.12.58 của Bộ Nội-Vụ.
 - Thuyên-chuyển đi Tỉnh-Đoàn Bảo-An Biên-Hoà và đặt thuộc quyền của Trung-Tá Thanh-Tra Khu I/Bảo-An Nam-Phân do LTC số 096/TBA/NV/2 ngày 27.1.59.

- 29.08.60 - Thuyên chuyển về Tỉnh-Đoàn Bảo-An Ba-Xuyên: k/t 29.8.60 do LTC số 767/TBA/NV/QTNV ngày 29.8.60 và được cử giữ chức-vụ Tỉnh-Đoàn Trưởng Bảo-An Ba-Xuyên do ND số 804/BNV/BA ngày 5.7.60.
- Đặt TQXD của Nha Bảo-An Vùng I/CT để giữ chức vụ Chủ-Sự Phòng Kế-Hoạch do SVL số 185/TBA/NV/SVL ngày 10.10.63.
- Thuyên chuyển hợp thức hoá về Nha Bảo-An Vùng I/CT do LTC số 1173/TBA/NV/QTNV ngày 5.11.63.
- 29.02.64 - Được cử giữ chức-vụ Chủ-Sự Phòng Kế-Hoạch tại Nha Giám-Đốc Bảo-An/Vùng I/CT do ND số 541/QP/ND/BA ngày 29.2.64 của Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Phòng.
- Thuyên chuyển đến Trung-Ương Đoàn-Bộ (QS/BP) giữ chức-vụ Trưởng-Ty Cảnh-Sát Quận II do LTC số 0867/BA/TQT/LTC ngày 20.5.64 của Thiếu-Tướng DƯƠNG-NGỌC-LÂM
- 10.06.64 - Thuyên chuyển đi Đơn-Vị 3/QTDP (biệt-phái ngoại-ngạch) thuộc quyền sử-dụng Bộ Nội-Vụ tại Ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia k/t ngày 10.6.64 do LTC số 1498/TTL/TQT/QN/BN/C/K ngày 12.6.64 của Thiếu-Tướng Tham-Mưu-Trưởng Liên-Quân.
- Được thâu hồi về Quân-Đội do ND số 1304/QP/ND ngày 10.6.64 của Trung-Tướng Tổng-Trưởng Quốc-Phòng. Hồ sơ được chuyển hoàn về Quân-Đội lưu giữ.
- 24.08.64 - Được biệt-phái ngoại-ngạch sang Bộ Nội-Vụ để phục vụ tại Ngành CẢNH-SÁT QUỐC-GIA do ND số 517/BNV/TCSQG/NV ngày 24.8.64 của NHÀ TÔNG-GIÁM-ĐỐC CSQG.
- Việc biệt-phái ngoại-ngạch Sĩ-Quan đương sự sang Bộ Nội-Vụ, được đặt dưới quyền sử-dụng của Ngành C.S.Ũ.G. Được hợp thức hoá do ND số 517/BNV/TCSQG/NV ngày 24.8.64. Về việc lương bổng và phụ-cấp của đương sự sẽ do Ngân-Sách Sĩ-Quan đài thọ, kể từ ngày đoạn-chỉ lương tại đơn-vị cũ.
- 01.04.65 - Thuyên chuyển đến Võ-Phòng Phủ-Quốc-Trưởng k/t ngày 1.4.65 do LTC số 1600/TTL/TQT/QN/BN/C/K ngày 30.3.65 của Bộ TTL.
- 03.05.65 - Được cử giữ chức-vụ Phụ-ta Chánh-Sự-Vụ/Sở An-Ninh/Pủ Quốc-Trưởng k/t ngày 3.5.65 do ND số 053/QT/ND ngày 3.5.65 của Quốc-Trưởng VNCH.
- 01.09.59 - Đại-Ủy HD tạm thời được điều-chỉnh thành Đại-Ủy HD thực thụ k/t ngày 1.9.59 (thay vị ngày 1.11.61) do ND số 413/QP/ND ngày 9.8.65 của Bộ Q.P và danh-sách số 6767/LĐ.ANTĐ/PI/ĐH/CP ngày 24.8.65 của BCH/LĐ.ANTĐ.
- 11.06.65 - Được cử giữ chức vụ Quyền Chánh-Sự-Vụ/Sở An-Ninh tại Võ-Phòng Phủ Quốc-Trưởng k/t ngày 11.6.65 do ND số 079/QT/ND ngày 11.6.65 của Quốc-Trưởng VNCH.
- 16.03.66 - Thuyên chuyển đi ĐD.THĐ/SĐ.7BB (thắng số) k/t ngày 16.3.66 do LTC số 1598/TTM/TQT/QN/BN/C/K ngày 22.3.66 (để bổ-sung cán-bộ cho Ban Thường-Vụ HXXD Nông-Thôn Tỉnh Kiên-Hoa) của Bộ TTM/QLVNCH.
- 01.01.67 - Thăng cấp Thiếu-Tá HD thực thụ theo thâm niên k/t ngày 1.1.67 do ND số 062/QP/ND đề ngày 3.2.67 của Bộ Quốc-Phòng.
- 01.07.68 - Được đề cử giữ chức-vụ Trưởng-Ban Thường-Vụ HXXDNT/Khu Chiến-Thuật Tiền-Giang k/t ngày 1.7.68 do ND số 4092/K.CTTG/TQT/NVI/ND đề ngày 13.7.68 của Khu CTTG. Hồ sơ quân-bạ được chuyển đến Bộ TTM/Phòng TQT/SĐ.7 quân-thủ k/t ngày trên.
- 16.11.68 - Thuyên chuyển đi Bộ TTM/Phòng 3 k/t ngày 16.11.68 do LTC số 15201/TTM/TQT/BN/SV/A/K ngày 29.10.68 của Bộ TTM.
- 29.11.68 - Trình diện Phòng 3/Bộ TTM ngày 29.11.68.
- 30.11.68 - Đặt TQXD của Ban Lãnh-Thổ/Khoá Hành-quân/P3/TTM do Nội-Lệnh số 7951/TTM/P300 ngày 2.12.68 của Bộ TTM/Phòng 3.
- 01.01.69 - Giữ chức-vụ Quyền Trưởng-Ban Lãnh-Thổ/Khoá Hành-quân/P3/TTM do NL số 8375/TTM/P300 ngày 31.12.68. Được hợp thức hoá Quyền Trưởng-Ban Lãnh-Thổ/Phòng 3/TTM do ND số 0964/TTM/TQT/BN/SV/A/K ngày 18.1.69.
- 01.03.69 - Được chính-thức giữ chức-vụ Trưởng-Ban Lãnh-Thổ/Khoá Hành-quân do NL số 959/TTM/P3 ngày 3.3.69.
- 01.07.70 - Thăng cấp Trung-Tá Nhiệm-chức vị nhu-cầu quân-Lực k/t ngày 1.7.70 do ND số 931/QP/ND ngày 7.8.70 của Bộ Quốc-Phòng.
- 01.08.70 - Cử giữ chức-vụ Trưởng-Ban An-Ninh Lãnh-Thổ/Khoá Binh-Định Lãnh-Thổ/Phòng 3/Bộ TTM do ND hợp thức hoá số 12552/TTM/TQT/BN/SV/A/K ngày 31.8.70 của Bộ TTM.
- 06.02.71 - Trình-diện Trưởng-Chỉ-Huy Tham-Mưu để theo học Khoa 1/71 THM do SVL số 376/TTM/P300 ngày 01.02.71.
- 05.02.71 - Chạm-dứt chức vụ Trưởng-Ban An-Ninh Lãnh-Thổ/Khoá BDLT do LEN số 364/TTM/P300 ngày 01.02.71. HTH chạm-dứt chức vụ Trưởng-Ban ANLT/Khoá BDPT do ND số 1796/TTM/TQT/BN/SV/A/K ngày 9.2.71.
- 08.02.71 - Thuyên chuyển đến Trưởng CHTM (TSQ/KS) do LTC số 2342/TTM/TQT/BN/SV/D/K ngày 12.3.71 của Bộ TTM.
- 16.07.71 - Thuyên chuyển đến Phòng 3/Bộ TTM công vụ k/t ngày 16.7.71 do LTC số 6802/TTM/TQT/BN/SV ngày 2.7.71.
- 20.07.71 - Đặt TQXD Khoá Điều-Hành Không-Yểm Chiến-Thuật/P3/TTM do LEN số 3022/TTM/P300 ngày 15.7.71.

- 16.10.71 - Đặt TMD Khối Kế-Hoạch do LEN số 4689/TTM/P300 ngày 15.10.71.
- 16.11.71 - Được cử giữ chức vụ Trưởng-Ban Nghiên-cứu Tổng-Quát/Khối Kế-Hoạch kể từ 16.11.71. Trong phạm vi chức vụ trên, Trung-Tà ĐỐI được chỉ-dịnh đại-diện P3/DQ TTM tại Văn-Phòng Điều-Hành Hội-Nghị Liên-Sự Hôn-hợp VN-Hoa-Kỳ và Kampuchea, do LEN số 5784/TTM/P300 ngày 17.12.71.
- 16.12.71 - Được cử giữ chức vụ Trưởng-Ban Nghiên-Cứu Tổng-Quát/Khối Kế-Hoạch P3/TTM do Đ số 0127/TTM/TYT/BN/SV/A/K ngày 5.1.72.
- 01.07.72 - Thăng cấp Trung-Tà thực thụ k/t ngày 1.7.72 do ND số 625J/P/ND ngày 30.7.72 của Bộ Quốc-Phòng.
- 31.03.74 - Được giải ngũ qua hạn tuổi quy-chế CL1, kể từ ngày 31.3.1974 do ND số 1032/P/ND ngày 29.11.73. Sĩ-quan đương sự đã được hưởng phép giải-nghĩ kể từ 01.01.1974 đến hết ngày 30.3.1974. Chính thức xuất ngũ kể từ ngày 31.3.1974, /
- Xóa sổ kiểm danh đơn vị kể từ ngày 31.3.1974.
- Sĩ-quan đương sự khai địa chỉ cư ngụ sau ngày giải ngũ tại số nhà 4, đường Hùng-Long, Phường Nguyễn-Trí-Phường, Quận 10/Saigon./-

[illegible]

1- / UY - CHƯƠNG

- CROIX DE GUERRE/ÉTOILE BRONZE	OG. n° 1496	ngày 21.12.50
- MÉDAILLE COLONIALE	N° 404.078	" 15.02.52
- ANH-DŨNG BỘI-TÌNH/SÚ-ĐOÀN	CL. 41/TTL	" 25.07.64
- ANH-DŨNG BỘI-TÌNH/LŨ-ĐOÀN	CL. 03/BKTB/TQT/5	" 11.08.64
- CHƯƠng-MỸ BỘI-TÌNH/HẠNG II	NĐ. 017/QT/NĐ	" 28.01.65
- LỤC-VÂN HUÂN-CHƯƠNG ĐỀ NHỊ	NĐ. 079/QP/NĐ	" 01.02.66
- CHIẾN-DỊCH BỘI-TÌNH/60-73	Đ. 15/SĐ7BB/TQT/Đ	" 10.02.66
- CHIẾN-DỊCH BỘI-TÌNH/49-54	Đ. 48/SĐ7BB/TQT/Đ	" 24.12.66
- THAM-MŨU BỘI-TÌNH/HẠNG NHẤT	Đ. 571/TTM/TQT/Đ/TMBT	" 01.08.68
- HẢI-VU BỘI-TÌNH DANH-DỰ	Đ. 042/HV/Đ	" 03.04.69
- QUÂN-PHONG BỘI-TÌNH/HẠNG NAM	Đ. 292/TTM/TQT/Đ/QPBT	" 02.05.69
- BẢO-QUỐC HUÂN-CHƯƠNG ĐỀ NGŨ	SL. 233-TT/SL	" 18.06.69
- ARMY COMMENDATION MEDAL	OG. n° 711	" 02.02.70
- KHÔNG-VU BỘI-TÌNH DANH-DỰ	Đ. 009/BTL.KV/Đ/KVBT	" 01.11.70
- QUÂN-VU BỘI-TÌNH HẠNG NHỊ	Đ. 078/TTM/TQT/Đ/QVBT	" 12.07.73
- MÉDAILLE DE LA DÉFENSE NATIONALE	N° 390/EMG/AP/DAGP	" 20.10.73

Đã xem : Đơn-vị Trưởng

KHẨN :

Chuẩn-Tiền, PHÂN-ĐÌNH-THỌ
Trường - Phòng 3 / Bộ TTM

KBC, 4002, ngày 28 Th 11 A 1974

NHÂN THỨC :

Trung-Tá LÊ XUÂN-DINH
Q. Trưởng Ban Học-Chuẩn

Edward

Bao _{tr} bản chính.

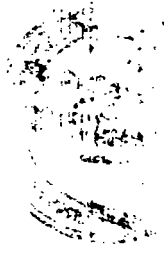
4100 1/2 miles

Sao y bản chính.

(hồ tước hồ 83 xin bảo lãnh)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21/01/96,

Chánh văn phòng

 Chánh

Đoàn Văn Thành

TRẦN THỊ TUYẾT
C4 HUNG LONG
F.16 Q10
T.P HO CHI MINH
SOUTH VIETNAM



To: Hộ Gia Đình P.O.W VN
5555, COLOMBIA TKE, SUITE D
ARLINGTON, VA 22204

DIN 55 23235101 01/23/85

DINH
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

Major Ngô thế Dời ss' quân 42/101415

Hiện còn trong tù Cải tạo

Chính phủ VN không cho tăng ký.

Released . 09/21/84

#9



DEPARTMENT OF THE ARMY

THIS IS TO CERTIFY THAT
THE SECRETARY OF THE ARMY HAS AWARDED
THE ARMY COMMENDATION MEDAL

TO

MAJOR NGO THE DOI, 42/101415, INFANTRY, ARMY OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

FOR

MERITORIOUS SERVICE IN THE REPUBLIC OF VIETNAM FROM MARCH 1969 TO FEBRUARY 1970

GIVEN UNDER MY HAND IN THE CITY OF WASHINGTON
THIS 1 2nd DAY OF FEBRUARY 1970


CREIGHTON W. ABRAMS
General, United States Army




STANLEY R. RESOR
Secretary of the Army

CONTROL

Card
 Doc. Request: Form 12/87
 Release Order
 Computer
 Form "D"
 ODP/Date
 Membership; Letter 12/87

Oxford®

ESSELTE

MADE IN U.S.A.

NO. 752 1/3

chi Hues 10/14
 - Thở cảm ới
 - Thở y/c cho ^{hợp tác}
 giấy ra trại
 mua 2 ống nẩy
 - Xem h/s nếu
 chưa có mẫu mã
 thì gửi cho họ
 đến
 merci chi -

10

Mrs HUONG NGUYEN

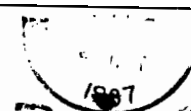


FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC.
5555 COLUMBIA PIKE , SUITE D ,
ARLINGTON , VA. 22204

AM 55 232351B1 01/23/85

FAMILIES VN POL PRI
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

FR = Huong Nguyen



OCT 08 1987

To = Mrs Thue Minh Tho

P.O. Box 5435

Arlington, VA. 22205. 0635